

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI ĐANG THI HÀNH 06 THÁNG NĂM 2026

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Lý do chưa thi hành			Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
									Đang xác minh tài sản	Đang áp dụng các biện pháp bảo đảm thi hành án	Đang áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án				
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Cộng			255	-	255	53.976.732	5.411.084	48.565.648	254	-	1	156	255	255	-
I	Phòng Nghiệp vụ		40		40	24.532.194	3.289.726	21.242.468	40	-	-	23	40	40	
1	09	20/03/2019	11	22/10/2021	Theo yêu cầu	92.511	-	92.511	x			01/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
2	22	25/03/2021	51	14/01/2022	Theo yêu cầu	11.073.000	17.500	11.055.500	x			02/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
3	21	11/03/2021	337	23/04/2021	Chủ động	10.000	1.000	9.000	x			03/12/2025	Nguyễn Văn Phóng	Phòng Kiểm tra & GQKNTC	
4	15	26/01/2022	79	04/03/2022	Chủ động	127.419	2.000	125.419	x			04/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
5	15	26/01/2022	81	04/03/2022	Chủ động	36.000	5.000	31.000	x			05/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
6	29	30/09/2021	03	03/10/2022	Theo yêu cầu	175.100	16.000	159.100	x			07/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
7	09	05/06/2020	04	06/10/2022	Theo yêu cầu	6.426.048	1.639.190	4.786.858	x			08/12/2025	Nguyễn Văn Phóng	Phòng Kiểm tra & GQKNTC	
8	59	29/09/2022	30	25/10/2022	Chủ động	8.356	5.000	3.356	x			09/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Kiểm tra & GQKNTC	
9	59	29/09/2022	31	25/10/2022	Chủ động	134.001	16.000	118.001	x			10/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
10	31	11/05/2022	77	01/12/2022	Chủ động	85.000	27.000	58.000	x			11/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
11	24	11/01/2023	137	17/02/2023	Chủ động	19.000	4.000	15.000	x			12/12/2025	Nguyễn Văn Phóng	Phòng Kiểm tra & GQKNTC	
12	69	07/09/2023	24	26/10/2023	Chủ động	180.000	7.000	173.000	x			13/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
13	17	03/10/2024	123	21/02/2024	Chủ động	240.000	140.000	100.000	x			15/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
14	01	12/09/2023	230	22/07/2024	Theo yêu cầu	225.800	180.000	45.800	x			16/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
15	05	27/09/2023	12	15/10/2024	Theo yêu cầu	10.000	-	10.000	x			17/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
16	337	27/06/2024	40	21/11/2024	Theo yêu cầu	291.000	-	291.000	x			18/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
17	24	22/11/2024	02	08/07/2025	Theo yêu cầu	1.366.059	-	1.366.059	x			19/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
18	01	26/11/2024	184	26/08/2025	Chủ động	6.411	-	6.411	x			20/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
19	02	29/08/2025	306	01/10/2025	Chủ động	50.000	26.000	24.000	x			21/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
20	20	11/09/2025	603	28/10/2025	Theo yêu cầu	350.000	-	350.000	x			22/12/2025	Đỗ Quốc Khánh	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
21	21	04/04/2025	780	02/12/2025	Chủ động	6.805	6.800	5	x			23/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
22	21	04/04/2025	974	02/12/2025	Theo yêu cầu	500.000	-	500.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
23	21	04/04/2025	836	02/12/2025	Chủ động	1.200	-	1.200	x			23/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
24	21	04/04/2025	977	02/12/2025	Theo yêu cầu	500	-	500	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
25	21	04/04/2025	815	02/12/2025	Chủ động	792.420	592.420	200.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
26	21	04/04/2025	831	02/12/2025	Chủ động	75.001	75.000	1	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
27	38	13/08/2025	864	02/12/2025	Chủ động	12.099	1	12.098	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
28	38	13/08/2025	856	02/12/2025	Chủ động	15.000	-	15.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
29	38	13/01/2025	844	02/12/2025	Chủ động	3.000	-	3.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
30	0,7	08/01/2026	825	02/12/2025	Chủ động	1.121.615	521.415	600.200	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
31	0,6	08/01/2026	822	02/12/2025	Chủ động	3	-	3	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
32	0,3	30/12/2025	816	02/12/2025	Chủ động	1	-	1	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
33	0,9	23/01/2026	930	02/12/2025	Chủ động	400	200	200	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
34	0,9	23/01/2026	908	02/12/2025	Chủ động	2.000	-	2.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
35	0,9	23/01/2026	907	02/12/2025	Chủ động	12.000	-	12.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
36	0,9	23/01/2026	902	02/12/2025	Chủ động	3.000	-	3.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
37	41	31/12/2025	898	02/12/2025	Chủ động	8.030	8.000	30	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
38	0,5	24/01/2026	818	02/12/2025	Chủ động	201	200	1	x				Nguyễn Văn Phòng	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
39	11	04/04/2025	834	02/12/2025	Chủ động	5	-	5	x				Nguyễn Văn Phòng	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
40	149	23/11/2025	951	02/12/2025	Theo yêu cầu	1.073.209	-	1.073.209	x			06/04/2026	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
II	Các Khu vực		215	-	215	29.444.538	2.121.358	27.323.180	214	-	1	133	215	215	-
II.1	Phòng THADS KV I		55		55	9.603.336	602.154	9.001.182	54	-	1	55	55	55	
1	01/2016/DSST	14/10/2016	62	11/22/2016	Theo yêu cầu	97.070	14.400	82.670	x			22/07/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
2	01/2021/DSST	30/11/2021	227	5/19/2022	Theo yêu cầu	1.661.400	20.000	1.641.400	x			28/06/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
3	08/2023/HSST	05/01/2023	119	2/10/2023	Chủ động	25.000	6.000	19.000	x			22/08/2023	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
4	02/2023/DSST	22/11/2023	122	12/25/2023	Chủ động	31.500	-	31.500	x			23/05/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
5	06/2023/DSST	29/09/2023	160	2/20/2024	Theo yêu cầu	278.467	-	278.467	x			21/05/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
6	06/2023/DSST	29/09/2023	161	2/20/2024	Theo yêu cầu	354.334	-	354.334	x			21/05/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
7	04/2023/DSST	14/07/2023	207	4/15/2024	Theo yêu cầu	579.982	-	579.982	x			12/09/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
8	02/2023/DSST	22/11/2023	234	5/10/2024	Theo yêu cầu	705.000	-	705.000	x			23/05/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
9	02/2024/DSST	28/11/2024	133	12/2/2024	Chủ động	47.725	-	47.725	x			19/12/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
10	02/2024/ DSST	28/11/2024	139	1/13/2025	Theo yêu cầu	1.190.820	-	1.190.820	x			29/01/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
11	174/2024 /HSST	19/12/2024	190	2/18/2025	Chủ động	1.605	-	1.605	x			06/3/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
12	03/2023/ DSST	21/08/2023	228	3/24/2025	Theo yêu cầu	175.500	17.000	158.500			Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án	20/5/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
13	06/2025/ DSST	14/03/2025	259	4/15/2025	Chủ động	12.000	-	12.000	x			29/4/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
14	06/2025/ DSST	14/03/2025	293	5/19/2025	Theo yêu cầu	240.000	-	240.000	x			03/6/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
15	04/2025/ DSST	10/06/2025	319	6/13/2025	Chủ động	48.000	2.850	45.150	x			27/6/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
16	59/2025/ HSST	04/06/2025	31	7/11/2025	Chủ động	72.900	-	72.900	x			29/8/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
17	59/2025/ HSST	04/06/2025	32	7/11/2025	Chủ động	33.900	15.000	18.900	x			29/8/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
18	01/2025/ DSST	06/03/2025	71	7/18/2025	Chủ động	12.500	2.690	9.810	x			07/8/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
19	59/2022/ HSST	24/08/2022	124	30/7/2025	Theo yêu cầu	5.627	-	5.627	x			12/8/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
20	01/2023/ DS-ST	08/02/2023	4	10/18/2023	Theo yêu cầu	29.710	-	29.710	x			17/11/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
21	49/2019/ QĐST- HNGĐ	28/06/2019	104	20/10/2025	Theo yêu cầu	36.000	18.000	18.000	x			20/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
22	06/2025/ DSPT	05/06/2025	107	20/10/2025	Theo yêu cầu	250.000	-	250.000	x			30/12/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
23	11/2022/ QĐST- HNGĐ	20/12/2022	110	20/10/2025	Theo yêu cầu	24.000	12.000	12.000	x			20/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
24	01/2019/ QĐST- HNGĐ	15/01/2019	116	22/10/2025	Theo yêu cầu	18.000	9.000	9.000	x			22/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
25	43/2017/ QĐST- HNGĐ	04/07/2017	118	22/10/2025	Theo yêu cầu	24.000	12.000	12.000	x			22/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
26	48/2021/ QĐST- HNGĐ	12/05/2021	119	22/10/2025	Theo yêu cầu	24.000	12.000	12.000	x			22/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
27	30/2019/ QĐST- HNGĐ	16/05/2019	120	22/10/2025	Theo yêu cầu	36.000	18.000	18.000	x			22/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
28	01/2017/ QĐST- HNGĐ	10/03/2017	124	23/10/2025	Theo yêu cầu	12.000	-	12.000	x			23/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
29	02/2025/ DSST	24/09/2025	195	31/10/2025	Chủ động	34.459	6.100	28.359	x			17/11/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
30	41/2012/ QĐST- HNGĐ	08/08/2012	315	10/11/2025	Theo yêu cầu	12.000	6.000	6.000	x			10/11/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
31	91/2018/ QĐST- HNGĐ	20/09/2018	393	21/11/2025	Theo yêu cầu	24.000	7.500	16.500	x			21/11/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
32	01/2026/ HNGĐ- PT	22/01/2026	743	27/02/2026	Theo yêu cầu	523.702	300.000	223.702	x			20/03/2026	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
33	05/2026/ DS-PT	23/03/2026	967	23/03/2026	Chủ động	2.554	300	2.254	x			27/03/2026	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
34	106	06/09/2024	124	12/27/2024	Theo yêu cầu	100.000	-	100.000	x			24/9/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
35	102	17/03/2023	57	10/31/2024	Theo yêu cầu	46.000	7.000	39.000	x			30/9/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
36	14	15/01/2025	191	2/18/2025	Chủ động	19.000	6.000	13.000	x			23/10/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
37	101	21/03/2022	179	4/8/2022	Theo yêu cầu	20.000	-	20.000	x			21/11/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
38	10	30/10/2024	150	1/17/2025	Theo yêu cầu	925.900	10.000	915.900	x			22/10/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
39	12	05/01/2022	197	2/24/2025	Theo yêu cầu	1.042.838	31.714	1.011.124	x			22/10/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
40	1	13/05/2025	323	6/17/2025	Chủ động	20.648	-	20.648	x			22/10/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
41	16	18/08/2010	98	10/20/2025	Theo yêu cầu	7.200	3.600	3.600	x			22/10/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
42	92	14/11/2019	130	10/23/2025	Theo yêu cầu	24.000	10.000	14.000	x			22/10/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
43	7	13/05/2017	141	10/23/2025	Theo yêu cầu	24.000	10.000	14.000	x			10/11/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
44	1	05/09/2025	155	10/24/2025	Theo yêu cầu	15.000	-	15.000	x			20/10/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
45	22	31/01/2024	199	10/31/2025	Theo yêu cầu	62.000	10.000	52.000	x			04/12/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
46	1	13/05/2025	203	10/31/2025	Theo yêu cầu	416.216	-	416.216	x			20/10/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
47	2	18/12/2025	625	1/20/2026	Chủ động	27.336	10.000	17.336	x			10/12/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
48	2	23/01/2026	679	1/29/2026	Chủ động	2.750	-	2.750	x			26/11/2025	Bù Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
49	1	05/09/2025	689	1/30/2026	Chủ động	24.600	-	24.600	x			22/12/2025	Bù Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
50	1	05/01/2026	678	1/29/2026	Chủ động	2.550	-	2.550	x			17/11/2025	Bù Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
51	2	23/01/2021	52	12/28/2021	Theo yêu cầu	19.302	-	19.302	x			30/12/2025	Bù Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
52	2	23/01/2024	20	10/8/2024	Chủ động	6.581	-	6.581	x			01/11/2025	Bù Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
53	56	13/11/2024	90	10/15/2025	Chủ động	30.000	15.000	15.000	x			17/11/2025	Bù Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
54	24	13/11/2024	272	4/28/2025	Theo yêu cầu	115.800	10.000	105.800	x			02/12/2024	Bù Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
55	34	15/09/2017	128	2/25/2025	Theo yêu cầu	27.860	-	27.860	x			09/12/2024	Bù Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
II.2	Khu vực 2		70		70	13.549.137	270.993	13.278.144	70	-	-	56	70	70	
1	01/2022/ QĐST- DS	30/12/2022	183	18/05/2025	Theo yêu cầu	44.500	500	44.000	x			18/03/2026	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
2	02/2021/ QĐST- DS	21/12/2021	109	17/02/2022	Theo yêu cầu	10.588	7.623	2.965	x			21/04/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
3	02/2023/ QĐST- DS	16/02/2023	228	03/07/2023	Theo yêu cầu	431.500	22.500	409.000	x			10/09/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
4	01/2023/ DS-ST	15/08/2023	26	16/10/2023	Chủ động	4.227	-	4.227	x			18/09/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
5	01/2023/ DS-ST	15/08/2023	91	23/11/2023	Theo yêu cầu	344.232	-	344.232	x			18/09/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
6	03/2021/ QĐST- DS	24/12/2021	170	09/04/2024	Theo yêu cầu	44.500	3.000	41.500	x			06/08/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
7	03/2024/ DSTC- TC	24/05/2024	292	07/08/2024	Theo yêu cầu	15.311	600	14.711	x			22/11/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
8	10/2024/ DS-ST	30/09/2024	53	08/11/2024	Chủ động	72.643	-	72.643	x			28/11/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
9	10/2024/ DS-ST	30/09/2024	98	17/12/2024	Theo yêu cầu	2.035.170	-	2.035.170	x			29/12/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
10	01/2024/ DS-PT	27/12/2024	137	06/02/2025	Chủ động	1.874	300	1.574	x			07/03/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
11	06/2020/ QĐST- DS	03/09/2020	158	18/02/2025	Theo yêu cầu	98.600	3.500	95.100	x			22/11/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
12	01/2024/ DS-PT	27/12/2024	159	20/02/2025	Theo yêu cầu	25.000	-	25.000	x			26/12/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
13	04/2020/ DS-ST	21/05/2020	191	22/05/2020	Theo yêu cầu	942.748	35.100	907.648	x			05/07/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
14	08/2021/ HNGĐ- ST	27/09/2021	61	06/12/2021	Theo yêu cầu	866.412	32.400	834.012	x			05/07/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
15	07/2017/ QĐST- DS	27/09/2017	08	05/10/2017	Chủ động	17.500	4.000	13.500	x			20/01/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
16	01/2025/ DSST-TC	08/08/2025	139	23/10/2025	Theo yêu cầu	110.000	-	110.000	x			16/04/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
17	11/2025/ DSPT	25/09/2025	169	24/10/2025	Chủ động	5.800	600	5.200	x			31/08/2021	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
18	01/2024/ QĐST- HNGĐ	01/11/2024	177	28/10/2025	Theo yêu cầu	12.000	4.000	8.000	x			31/08/2021	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
19	03/2025/ DSST	26/09/2025	231	03/11/2025	Chủ động	36.000	-	36.000	x			31/01/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
20	02/2025/ QQĐCN HGT	11/09/2025	250	04/11/2025	Theo yêu cầu	200.000	66.000	134.000	x			10/05/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
21	05/2022/ QĐST- DS	07/01/2022	464	12/12/2025	Theo yêu cầu	225.160	2.000	223.160	x			29/05/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
22	53/2026/ HSST	29/01/2026	986	27/03/2026	Chủ động	1.000	-	1.000	x				Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
23	03/2017/ QĐST- DS	04/06/2017	36	05/01/2018	Theo yêu cầu	5.500	-	5.500	x			16/04/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
24	01/2021/ QDST- DS	11/03/2021	192	06/09/2021	Theo yêu cầu	12.000	-	12.000	x			31/08/2021	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
25	01/QDST -DS	11/03/2021	127	01/06/2021	Theo yêu cầu	12.000	-	12.000	x			31/08/2021	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
26	02/2023/ DSST	27/06/2023	240	03/08/2023	Theo yêu cầu	26.026	2.000	24.026	x			31/01/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
27	01/2020/ DSST	07/02/2020	112	16/01/2024	Theo yêu cầu	241.500	-	241.500	x			10/05/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
28	03/2023/ DSST	29/09/2023	168	09/04/2024	Chủ động	1	-	1	x			09/07/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
29	03/QĐC NHGT- DS	08/12/2023	186	09/05/2024	Chủ động	15.000	-	15.000	x			29/05/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
30	01/2024/ QĐST- DS	22/04/2024	233	15/07/2024	Theo yêu cầu	11.998	4.700	7.298	x			16/08/2025	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
31	05/QĐC NHGT- DS	03/06/2024	234	25/07/2024	Theo yêu cầu	90.000	20.000	70.000	x			31/07/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
32	07/QĐST -DS	07/09/2023	12	12/08/2024	Theo yêu cầu	200.000	-	200.000	x			05/09/2025	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
33	15/QĐST -HNGĐ	19/03/2014	18	30/09/2024	Theo yêu cầu	6.000	-	6.000	x			27/08/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
34	02/2025/ DS-ST	03/06/2025	46	11/07/2025	Theo yêu cầu	3.891	-	3.891	x			21/07/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
35	01/2025/ QĐST- KDTM	26/06/2025	02	21/07/2025	Theo yêu cầu	666.700	41.000	625.700	x			12/08/2025	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 3	
36	02/2025/ DS-ST	03/06/2025	60	14/07/2025	Chủ động	300	-	300	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
37	02/2025/ DS-ST	03/06/2025	61	14/07/2025	Chủ động	300	-	300	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
38	254/2023 /HSST	11/09/2023	111	20/10/2025	Chủ động	19.570	-	19.570	x			08/08/2023	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
39	13/2025/ HSST	14/08/2025	168	24/10/2025	Chủ động	5.520	5.020	500	x			15/09/2025	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
40	01/2024/ QĐCNH GT-DS	12/12/2024	133	23/10/2025	Theo yêu cầu	30.000	-	30.000	x			16/07/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
41	28/2025/ HSST	10/09/2025	308	10/11/2025	Chủ động	8.585	7.000	1.585	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
42	01/2025/ HSST	22/11/2025	535	06/01/2026	Chủ động	60	-	60	x			05/08/2025	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
43	17/2025/ HSST	10/12/2025	577	15/01/2026	Chủ động	400	200	200	x			30/07/2025	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
44	03/2025/ DSPT	11/04/2025	630	26/01/2026	Theo yêu cầu	1	-	1	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 3	
45	17/2025/ QĐST- HNGĐ	14/02/2025	670	29/01/2026	Theo yêu cầu	26.000	-	26.000	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
46	03/2025/ DSPT	13/04/2025	667	29/01/2026	Theo yêu cầu	108.522	-	108.522	x			18/06/2025	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
47	01/2026/ QĐST- KDTM	20/01/2026	839	12/03/2026	Chủ động	76.125	-	76.125	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
48	04/2025/ QĐST- DS	29/12/2025	870	12/03/2026	Chủ động	300	-	300	x			08/07/2025	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
49	19/2026/ QĐST- HNGĐ	05/03/2026	876	05/03/2026	Chủ động	300	150	150	x			25/04/2025	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	Trả tiền TU'AP
50	04/2025/ QĐST- DS	29/12/2025	879	12/03/2026	Chủ động	300	-	300	x			18/06/2025	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
51	62/2025/ HSST	30/01/2026	929	16/03/2026	Chủ động	200	-	200	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
52	42/2026/ HSST	28/01/2026	982	26/03/2026	Chủ động	200	200	-	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	Tiêu hủy vật chứng
53	01/2020/ QĐST- DS	16/11/2020	138	13/05/2022	Theo yêu cầu	115.000	-	115.000	x			18/06/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
54	03/2023/ QĐST- DS	08/12/2023	186	09/05/2024	Theo yêu cầu	15.000	2.000	13.000	x			15/07/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
55	05/2023/ DS-ST	28/06/2023	201	03/06/2024	Theo yêu cầu	11.505	-	11.505	x			08/07/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
56	91/2024/ HSST	26/09/2024	99	10/02/2025	Theo yêu cầu	12.500	-	12.500	x			25/04/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
57	01/2025/ DS-ST	17/01/2025	135	17/03/2025	Theo yêu cầu	1.430.000	-	1.430.000	x			18/06/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
58	332/2024 /HSST	30/12/2024	143	09/04/2025	Chủ động	1.750	-	1.750	x			15/07/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
59	03/2023/ DS-ST	08/12/2023	151	12/08/2025	Chủ động	500	-	500	x			08/07/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
60	03/2023/ DS-ST	08/12/2023	151	12/08/2025	Theo yêu cầu	13.000	-	13.000	x			05/09/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 3	
61	08/2025/ DS-ST	12/08/2025	89	15/10/2025	Chủ động	56.352	-	56.352	x			09/07/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
62	08/2025/ DS-ST	12/08/2025	89	15/10/2025	Theo yêu cầu	4.707.262	-	4.707.262	x			29/05/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
63	01/2010/ QĐST- HNGĐ	27/10/2010	28	29/11/2010	Chủ động	5.004	-	5.004	x			05/09/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
64	24/2026/ QĐST- HNGĐ	08/09/2016	121	23/10/2025	Theo yêu cầu	36.000	6.000	30.000	x			27/08/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
65	08//2025/ QĐST- HNGĐ	17/12/2025	671	29/01/2026	Chủ động	300	150	150	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	Trả tiền TU'AP
66	02/2025/ QĐST- HNGĐ	28/11/2025	672	29/01/2026	Chủ động	300	150	150	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	Trả tiền TU'AP
67	06/2025/ QĐST- HNGĐ	15/12/2025	674	29/01/2026	Chủ động	300	150	150	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	Trả tiền TU'AP

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
68	16/2026/ QĐST- HNGĐ	10/02/2026	740	27/02/2026	Chủ động	300	150	150	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	Trả tiền TU'AP
69	40/2026/ HS-S	27/01/2026	888	13/03/2026	Chủ động	25.000	-	25.000	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	Trả lại tài sản
70	31/2026/ HSST	26/01/2026	936	16/03/2026	Chủ động	7.000	-	7.000	x			26/10/2022	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	Trả lại tài sản
IL3	Phòng THADS khu vực 3		25		25	4.207.335	800.319	3.407.016	25	-	-	22	25	25	
1	02/2023/ DSST	29/09/2023	0 2	07/12/2023	Theo yêu cầu	642.825	30.000	612.825	x			04/09/2025	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực3	
2	02/2023/ DSST	29/09/2023	31	02/11/2023	Chủ động	29.713	-	29.713	x			02/04/2025	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
3	16/2025/ HSST	28/12/2023	109	10/03/2025	Chủ động	13.000	7.500	5.500	x			03/06/2025	Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
4	03/QĐST -DS	14/09/2021	124	22/04/2021	Chủ động	7.000	1.000	6.000	x			21/07/2025	Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
5	04/QĐST -DS	19/07/2024	100	20/10/2025	Theo yêu cầu	803.673	-	803.673	x			12/03/2026	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
6	05/HNG Đ	11/03/2021	103	20/10/2025	Theo yêu cầu	12.000	6.000	6.000	x			04/11/2025	Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
7	01/QĐST -DS	29/5/2025	105	20/10/2025	Theo yêu cầu	133.000	10.000	123.000	x			05/11/2025	Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
8	03/HNG Đ-ST	24/10/2012	109	20/10/2025	Theo yêu cầu	12.000	6.000	6.000	x			03/11/2025	Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
9	02/QĐST -HNGĐ	15/12/2015	99	20/10/2025	Theo yêu cầu	24.000	10.000	14.000	x			14/11/2025	Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
10	01/DSST	19/08/2024	289	06/11/2025	Theo yêu cầu	462.215	-	462.215	x			04/01/2026	Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
11	01/DSST	19/08/2024	286	05/11/2025	Chủ động	21.576	-	21.576	x			04/01/2026	Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
12	10/HNG Đ-ST	25/08/2021	402	25/11/2025	Theo yêu cầu	18.000	9.000	9.000	x			10/12/2025	Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
13	19/QĐST -HNGĐ	27/8/2025	405	27/11/2025	Theo yêu cầu	19.500	-	19.500	x			10/12/2025	Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
14	01/DSST	28/10/2025	430	04/12/2025	Chủ động	8.663	-	8.663	x			15/12/2025	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
15	02/DS-ST	27/11/2025	540	09/01/2026	Chủ động	69.695	2.300	67.395	x			02/01/2026	Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
16	02/HSST	12/11/2025	594	15/01/2026	Chủ động	15.000	-	15.000	x			26/01/2026	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
17	11/DSST	30/09/2024	71	22/11/2024	Theo yêu cầu	1.075.475	718.219	357.256	x			12/04/2025	Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
18	01/QĐPT	04/02/2026	792	03/03/2026	Chủ động	600	300	300	x			15/03/2026	Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
19	51/HSST	23/01/2026	809	09/03/2026	Chủ động	100	-	100	x			27/03/2026	Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
20	05/DSST	16/01/2026	940	16/03/2026	Chủ động	300	-	300	x			02/04/2026	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
21	09/QĐC NTTLH	26/12/2022	976	24/03/2026	Theo yêu cầu	24.000	-	24.000	x			02/04/2026	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
22	02/QĐC NHGT- DS	02/08/2024	983	26/03/2026	Theo yêu cầu	400.000	-	400.000	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
23	01/QĐC NHGT- DS	20/05/2025	984	26/03/2026	Theo yêu cầu	400.000	-	400.000	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
24	65/HSST	04/02/2026	985	27/03/2026	Chủ động	15.000	-	15.000	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
25	01/KDT M-ST	18/12/2024	115	08/04/2025	Theo yêu cầu	0	-	0	x			20/04/2025	Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
II.4	Khu vực 4		65		65	2.084.730	447.892	1.636.838	65	-	-	-	65	65	
1	04	08/03/2021	66	11/16/2023	Theo yêu cầu	61.000	-	61.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
2	06	25/03/2021	56	1/6/2022	Theo yêu cầu	127.995	4.000	123.995	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
3	07	02/04/2021	65	1/17/2022	Theo yêu cầu	138.610	-	138.610	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
4	43	23/01/2024	128	2/29/2024	Chủ động	15.000	-	15.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
5	02	26/09/2024	130	3/14/2025	Chủ động	850	-	850	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
6	26	15/01/2025	95	3/3/2025	Chủ động	4.860	-	4.860	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
7	01	19/03/2024	132	3/25/2024	Chủ động	10.101	-	10.101	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
8	01	17/07/2023	15	10/6/2023	Theo yêu cầu	45.000	14.000	31.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

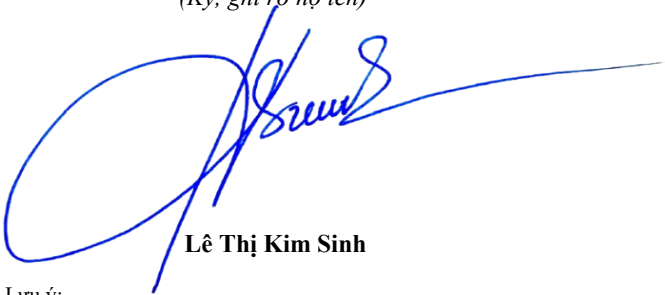
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
9	95	28/09/2021	50	12/12/2024	Theo yêu cầu	48.000	-	48.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
10	116	27/09/2022	15	11/11/2022	Chủ động	31.340	-	31.340	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
11	37	16/01/2025	108	3/3/2025	Chủ động	28.440	-	28.440	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
12	04	07/11/2024	56	12/18/2024	Chủ động	300	-	300	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
13	14	30/06/2020	68	12/27/2024	Chủ động	300	150	150	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
14	28	15/01/2025	99	3/3/2025	Chủ động	100	-	100	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
15	01	29/01/2021	72	12/27/2024	Chủ động	300	-	300	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
16	98	27/06/2025	142	07/8/2025	Chủ động	200	-	200	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
17	06	27/01/2025	285	05/11/2025	Theo yêu cầu	24.000	14.000	10.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
18	14	07/07/2017	391	21/11/2025	Theo yêu cầu	24.000	1.000	23.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
19	40	23/9/2025	228	31/10/2025	Chủ động	82.500	-	82.500	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
20	02	26/09/2024	650	26/01/2026	Theo yêu cầu	17.000	-	17.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
21	33	30/12/2025	720	09/02/2026	Chủ động	8.750	-	8.750	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
22	26	19/12/2025	719	09/02/2026	Chủ động	5.600	-	5.600	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
23	29	30/12/2025	704	09/02/2026	Chủ động	400	-	400	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
24	28	30/12/2025	699	09/02/2026	Chủ động	200	-	200	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
25	29	30/12/2025	569	09/02/2026	Chủ động	6.500	-	6.500	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
26	46	21/01/2026	756	02/03/2026	Chủ động	200	-	200	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
27	55	29/01/2026	817	11/03/2026	Chủ động	1.500	-	1.500	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
28	51	27/01/2026	819	11/03/2026	Chủ động	100	-	100	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
29	64	30/01/2026	821	11/03/2026	Chủ động	7.500	-	7.500	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
30	53	27/01/2026	824	11/03/2026	Chủ động	6	-	6	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
31			826	11/03/2026	Chủ động	13	-	13	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
32	62	30/01/2026	827	11/03/2026	Chủ động	1	-	1	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
33	49	27/01/2026	830	11/03/2026	Chủ động	5.000	-	5.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
34	71	05/02/2026	833	11/03/2026	Chủ động	200	-	200	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
35	16	11/03/2026	945	17/03/2026	Chủ động	300	-	300	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
36	15	06/03/2026	946	17/03/2026	Chủ động	300	-	300	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
37	17	11/03/2026	947	17/03/2026	Chủ động	300	-	300	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
38	07	26/8/2025	444	10/12/2025	Chủ động	300	150	150	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
39	09	16/9/2025	36	08/10/2025	Chủ động	300	150	150	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
40	152	27/9/2023	64	07/11/2023	Chủ động	48.963	-	48.963	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
41	01	29/01/2021	83	05/03/2021	Chủ động	15.450	-	15.450	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
42	141	25/9/2023	49	02/11/2023	Chủ động	15	-	15	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
43	48	21/01/2025	124	03/03/2025	Chủ động	5.000	-	5.000	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
44	02	28/7/2025	628	22/01/2026	Chủ động	7.326	-	7.326	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
45	03	01/10/2018	664	27/01/2026	Theo yêu cầu	18.000	6.000	12.000	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
46	47	21/01/2026	769	02/03/2026	Chủ động	6.000	-	6.000	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
47	45	21/01/2026	777	03/03/2026	Chủ động	3.000	-	3.000	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
48							-	-							
49	04	14/12/2017	17	08/01/2019	Theo yêu cầu	155.030	32.729	122.301	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
50	04	01/03/2012	178	22/8/2025	Theo yêu cầu	11.000	8.000	3.000	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
51	01	30/7/2025	267	17/09/2025	Chủ động	100	-	100	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
52	02	19/8/2025	471	18/12/2023	Theo yêu cầu	75.000	45.000	30.000	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
53	10	09/05/2025	605	20/01/2026	Theo yêu cầu	600.000	10.900	589.100	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
54	24	29/12/2025	734	11/02/2026	Chủ động	313.813	311.813	2.000	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
55	25	29/12/2025	727	09/02/2026	Chủ động	120.011	-	120.011	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
56	32	30/12/2025	724	09/02/2026	Chủ động	7.000	-	7.000	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
57	69	05/02/2026	897	13/3/2026	Chủ động	4	-	4	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
58	63	30/01/2026	837	12/03/2026	Chủ động	200	-	200	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
59	60	30/01/2026	840	12/03/2026	Chủ động	1	-	1	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
60	66	05/02/2026	890	13/03/2026	Chủ động	200	-	200	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
61	65	04/02/2026	900	13/03/2026	Chủ động	200	-	200	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
62	76	06/02/2026	901	13/03/2026	Chủ động	150	-	150	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
63	03	13/03/2026	980	3/25/2025	Chủ động	300	-	300	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
64	19	19/03/2026	978	25/03/2026	Chủ động	300	-	300	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
65	18	18/3/2026	979	25/3/2026	Chủ động	300	-	300	x				Chu Gó Xè	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
66	04	06/02/2026	764	03/02/2026	Theo yêu cầu	1	-	1	x				Chu Gó Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
67															

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

- Lưu ý:
- Ghi đầy đủ thông tin các cột có trong danh sách
 - Các cột sau đây nhập thủ công: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9,12, 13, 14
 - Các cột sau đây là chọn theo danh sách có sẵn: 5, 10, 11

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

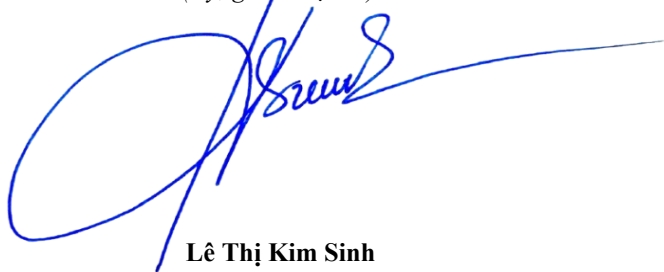
Trần Công Hường

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI HOẢN THI HÀNH ÁN THEO ĐIỂM C KHOẢN 1 ĐIỀU 48 06 THÁNG NĂM 2026

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ ra quyết định hoãn thi hành án	Ngày, tháng, năm ra quyết định hoãn thi hành án dân sự	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Cộng			-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
I	Phòng Nghiệp vụ		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1														
II	Các Khu vực		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II.1	Khu vực 1													
1														
II.2	Khu vực 2													
1								-						
II.3	Khu vực 3													
1								-						
II.4	Khu vực 3													
1								-						

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hường

Lưu ý:

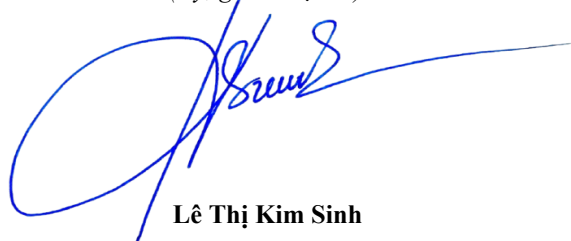
- Ghi đầy đủ thông tin các cột có trong danh sách
- Các cột sau đây nhập thủ công: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13
- Các cột sau đây là chọn theo danh sách có sẵn: 5, 9

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI HOẢN THI HÀNH ÁN (TRỪ ĐIỂM C KHOẢN 1 ĐIỀU 48) 06 THÁNG NĂM 2026

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ ra quyết định hoãn thi hành án	Ngày, tháng, năm ra quyết định hoãn thi hành án dân sự	Ngày, tháng, năm nhận được yêu cầu hoãn	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Cộng			4		4	1.051.386	-	1.051.386	4	4	4	4	5	
I	Phòng Nôhien vu		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-						
2								-						
II	Các Khu vực	4	4		4	1.051.386	-	1.051.386	4	4	4	4	5	
II.1	Phòng THADS KV 1	4	4		4	1.051.386	-	1.051.386	4	4	4	4	5	
1	12	21/06/2024	308	29/07/2024	Chủ động	40.500	-	40.500	Điểm d K1 Điều 48	21/04/2025	21/04/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV 1	
2	12	21/06/2024	313	31/07/2024	Theo yêu cầu	830.000	-	830.000	Điểm d K1 Điều 48	21/04/2025	21/04/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV 1	
3	13	1/6/2025	217	3/18/2025	Theo yêu cầu	172.273	-	172.273	Điểm d K1 Điều 48	4/21/2025	4/21/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV 1	
4	13	1/6/2025	181	2/11/2025	Chủ động	8.613	-	8.613	Điểm d K1 Điều 48	4/21/2025	4/21/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV 1	
5								-						
II.2	Khu vực 2	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-						
2								-						
3								-						

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hường

Lưu ý:

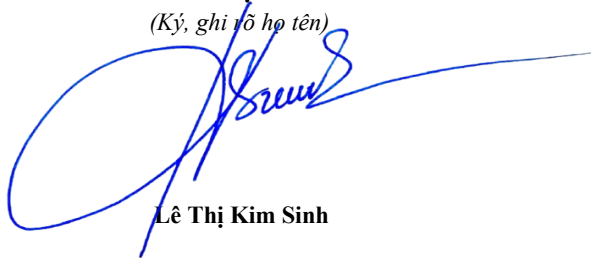
- Ghi đầy đủ thông tin các cột có trong danh sách
- Các cột sau đây nhập thủ công: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13
- Các cột sau đây là chọn theo danh sách có sẵn: 5, 9

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI TẠM ĐÌNH CHỈ THI HÀNH ÁN 06 THÁNG NĂM 2026

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ tạm đình chỉ thi hành án	Tạm đình chỉ theo kháng nghị người có thẩm quyền			Cơ quan Thi hành án dân sự tạm đình chỉ			Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
										Số văn bản kháng nghị	Ngày tháng năm	Người ban hành văn bản (họ tên, chức vụ)	Số quyết định	Ngày tháng năm	Ngày nhận thông báo của Tòa án về thụ lý đơn yêu cầu phá sản			
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
Cộng			-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
I	Phòng Nghiệp vụ		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-										
2								-										
3								-										
4								-										
5								-										
II	Các Khu vực	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II.1	Khu vực 1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-										
2								-										
3								-										
4								-										
5								-										
II.1	Khu vực 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-										
2								-										
3								-										
4								-										
5								-										

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hường

- Lưu ý:
- Ghi đầy đủ thông tin các cột có trong danh sách
 - Nếu căn cứ là Khoản 1 Điều 49 thì cập nhập thông tin vào các cột 10, 11, 12; nếu căn cứ là Khoản 2 Điều 49 thì cập nhập thông tin các cột 13, 14, 15
 - Các cột sau đây nhập thủ công: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13
 - Các cột sau đây là chọn theo danh sách có sẵn: 5, 9

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI TRƯỜNG HỢP KHÁC 06 THÁNG NĂM 2026

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Lý do chưa thi hành	Ngày tháng năm	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(14)
Cộng			-		-	-	-	-	-		-	-	
I	Phòng Nghiệp vụ		-		-	-	-	-	-		-	-	
1								-					
2								-					
3								-					
II	Các Khu vực	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II.1	Khu vực 1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-					
2								-					
3								-					
II.2	Khu vực 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-					
2								-					
3								-					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hương

Lưu ý:

- Ghi đầy đủ thông tin các cột có trong danh sách
- Các cột sau đây nhập thủ công: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 11, 12
- Các cột sau đây là chọn theo danh sách có sẵn: 5, 9
- Cột 10: chỉ ghi ngày tháng năm đối với 02 trường hợp là ngày ra quyết định tạm dừng để giải quyết khiếu nại và ngày theo văn bản đang chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền
- Khi lý do chưa thi hành là "Đang trong thời gian tự nguyện" thì không cần ghi ngày tháng năm ô bên cạnh

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH 06 THÁNG NĂM 2026

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ xác định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Ngày, tháng, năm ra Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm đăng tải lên Trang thông tin điện tử	Số lần xác minh từ khi ra quyết định THA	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
Cộng			84		84	63.903.838	451.946	63.451.892	84	81	81	77	81	84	84	
I	Phòng Nghiệp vụ		21		21	50.333.463	299.589	50.033.874	21	21	21	21	21	21	21	
1	17	27/12/2009	47	14/05/2019	Theo yêu cầu	15.000	-	15.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/02/2025	15/03/2024	15/03/2024	Lần 4	Nguyễn Văn Phòng	Phòng Nghiệp vụ kiểm tra & GQKNTC	
2	06	17/12/2021	56	26/01/2022	Chủ động	25.000	-	25.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/02/2025	15/03/2024	15/03/2024	Lần 3	Nguyễn Văn Phòng	Phòng Nghiệp vụ kiểm tra & GQKNTC	
3	52	25/06/2014	12	09/05/2016	Theo yêu cầu	6.500	-	6.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	14/12/2025	04/06/2025	05/06/2025	Lần 7	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
4	04	03/12/2021	50	12/02/2022	Chủ động	25.600	-	25.600	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/12/2025	13/04/2022	13/04/2022	Lần 5	Đỗ Quốc Khánh	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
5	18	24/02/2022	117	18/04/2022	Chủ động	50.000	-	50.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/10/2025	18/04/2025	18/04/2025	Lần 6	Đỗ Quốc Khánh	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
6	20	27/08/2020	39	01/11/2022	Chủ động	40.423.672	-	40.423.672	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	16/09/2025	17/09/2025	18/09/2025	Trên lần 20	Đỗ Quốc Khánh	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
7	26	16/01/2023	144	21/02/2023	Chủ động	200.000	-	200.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	07/11/2025	07/05/2025	07/05/2025	Lần 4	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
8	16	28/12/2023	166	27/03/2024	Theo yêu cầu	500.000	-	500.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/06/2024	08/07/2024	09/07/2024	Lần 3	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
9	34	27/03/2024	02	02/10/2024	Theo yêu cầu	170.000	-	170.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	16/04/2025	18/04/2025	18/04/2025	Lần 3	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
10	74	29/08/2024	06	02/10/2024	Theo yêu cầu	54.000	-	54.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/11/2025	19/11/2024	19/11/2024	Lần 2	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	

11	04	24/09/2024	38	13/11/2024	Theo yêu cầu	135.000	-	135.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	16/05/2025	20/05/2025	21/05/2025	Lần 4	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
12	13	26/02/2025	60	11/04/2025	Chủ động	363.031	-	363.031	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	21/11/2025	20/05/2025	21/05/2025	Lần 4	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
13	53	28/04/2008	84	20/06/2025	Theo yêu cầu	60.000	-	60.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/04/2025	20/05/2025	21/05/2025	Lần 2	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
14	75	04/09/2024	116	25/07/2025	Theo yêu cầu	28.898	-	28.898	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	13/08/2025	28/08/2025	28/08/2025	Lần 1	Đỗ Quốc Khánh	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
15	41	25/07/2025	14	06/10/2025	Chủ động	3.731.785	-	3.731.785	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/11/2025	10/11/2025	12/11/2025	Lần 2	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
16	41	25/07/2025	15	06/10/2025	Chủ động	1.244.650	225.500	1.019.150	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	07/11/2025	10/11/2025	11/11/2025	Lần 1	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
17	09	15/01/2025	93	15/10/2025	Chủ động	96.412	-	96.412	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	28/10/2025	24/11/2025	24/11/2025	Lần 1	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
18	09	15/01/2025	95	16/10/2025	Theo yêu cầu	2.950.433	-	2.950.433	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	28/10/2025	24/11/2025	24/11/2025	Lần 1	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
19	36	29/11/2019	33	06/01/2020	Chủ động	43.110	11.227	31.883	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/12/2025	19/12/2025	19/12/2025	Lần 1	Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
20	20	27/08/2020	193	23/08/2022	Chủ động	158.372	32.862	125.510	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/12/2025	19/12/2025	19/12/2025	Lần 1	Đỗ Quốc Khánh	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
21	79	26/09/2023	78	20/11/2023	Theo yêu cầu	52.000	30.000	22.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	07/01/2026	09/01/2026	09/01/2026	Lần 1	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
II	Các Khu vực		63		63	13.570.375	152.357	13.418.018	63	60	60	56	60	63	63	-
II.1	Phòng THADS KV 1		14		14	7.027.074	500	7.026.574	14	14	14	14	14	14	14	
1	473/2022/HSST	11/18/2022	03/QĐ-CCTHA DS	10/3/2023	Chủ động	59.250	-	59.250	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/9/2024	8/13/2024	8/13/2024	Lần 2	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	
2	29/2023/QĐST-KDTM	5/29/2023	185/QĐ-CCTHA DS	3/18/2024	Chủ động	2.603	-	2.603	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/10/2025	6/11/2025	6/11/2025	Lần 3	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	
3	01/2024/KDTMS T	9/30/2024	151/QĐ-CCTHA DS	1/22/2025	Chủ động	105.889	-	105.889	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/10/2025	6/11/2025	6/11/2025	Lần 2	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	
4	01/2024/KDTMS T	9/30/2024	183/QĐ-CCTHA DS	2/13/2025	Theo yêu cầu	3.694.497	-	3.694.497	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/10/2025	6/11/2025	6/11/2025	Lần 2	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	
5	05/2023/DS-ST	8/8/2023	316/QĐ-CCTHA DS	11/3/2023	Chủ động	37.110	500	36.610	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	3/27/2026	3/31/2026	3/31/2026	Lần 2	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	

6	05/2023/ DS-ST	8/8/2023	488/QĐ- THADS	12/22/2025	Theo yêu cầu	937.000	-	937.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	3/27/2026	3/31/2026	3/31/2026	Lần 2	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	
7	6	8/23/2024	149	1/17/2025	Theo yêu cầu	1.240.000	-	1.240.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/22/2025	6/19/2025	6/19/2025	Lần 6	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADSKV 1	
8	6	8/23/2024	148	1/17/2025	Chủ động	49.200	-	49.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/22/2025	6/19/2025	6/19/2025	Lần 6	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADSKV 1	
9	1	6/28/2024	528	1/6/2026	Theo yêu cầu	82.000	-	82.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	11/6/2024	11/7/2024	11/7/2024	Lần 6	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADSKV 1	
10	4	3/10/2025	207	3/10/2025	Theo yêu cầu	552.797	-	552.797	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/20/2025	8/21/2025	8/21/2025	Lần 2	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADSKV 1	
11	81	8/22/2024	48	12/18/2024	Chủ động	5.200	-	5.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/19/2025	6/20/2025	6/20/2025	Lần 3	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADSKV 1	
12	51	9/28/2021	51	12/28/2021	Chủ động	47.601	-	47.601	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	5/14/2025	5/15/2025	5/15/2025	Lần 5	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADSKV 1	
13	1	9/8/2022	27	10/23/2024	Theo yêu cầu	200.000	-	200.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	11/12/2025	5/13/2025	5/13/2025	Lần 3	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADSKV 1	
14	4	12/9/2024	82	4/1/2025	Theo yêu cầu	13.927	-	13.927	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	11/18/2025	12/5/2025	12/5/2025	Lần 4	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADSKV 1	
II.1	Khu vực 2	30	30	30	30	1.968.021	21.800	1.946.221	30	30	30	30	30	30	30	
1	56	20/04/2021	205	13/05/2023	Chủ động	50.000	-	50.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/06/2024	21/06/2024	14/05/2024	Lần 2	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
2	126	21/12/2023	230	03/06/2024	Theo yêu cầu	4.956	-	4.956	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	26/05/2024	01/07/2024	18/01/2024	Lần 1	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
3	25	19/05/2023	173	07/03/2025	Theo yêu cầu	7.000	-	7.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	25/03/2025	27/03/2025	27/03/2005	Lần 1	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
4	21	29/11/2024	128	08/01/2025	Theo yêu cầu	25.000	12.500	12.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	19/03/2026	25/03/2026	25/03/2026	Lần 1	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
5	22	25/04/2024	213	10/06/2024	Chủ động	200.000	-	200.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	30/09/2024	30/09/2024	30/09/2024	Lần 6	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
6	40	30/06/2011	105	02/08/2011	Chủ động	9.800	-	9.800	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	30/10/2025	30/09/2023	30/09/2024	Lần 7	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
7	15	13/05/2016	109	15/06/2016	Chủ động	17.750	-	17.750	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/01/2025	15/07/2025	15/07/2025	Lần 12	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
8	04	03/05/2017	13	10/05/2017	Theo yêu cầu	30.000	-	30.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/06/2023	13/12/2017	13/12/2017	Lần 10	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 3	

9	04	03/05/2017	16	17/11/2014	Theo yêu cầu	30.000	-	30.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/06/2023	07/11/2017	07/11/2017	Lần 6	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
10	58	28/08/2014	15	28/10/2014	Theo yêu cầu	16.642	-	16.642	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	12/05/2023	27/07/2022	27/07/2022	Lần 11	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
11	19	22/05/2019	143	21/06/2021	Theo yêu cầu	13.800	-	13.800	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	23/03/2026	24/03/2026	24/03/2026	Lần 1	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
12	06	17/03/2020	149	04/06/2020	Chủ động	30.200	-	30.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/05/2023	23/06/2020	23/06/2020	Lần 8	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
13	54	22/06/2021	07	04/10/2021	Chủ động	123.586	-	123.586	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	11/11/2023	01/06/2022	01/06/2022	Lần 6	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
14	54	22/06/2021	10	04/10/2021	Chủ động	57.500	-	57.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/07/2023	04/08/2023	04/08/2023	Lần 4	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
15	10	22/08/2022	194	10/10/2023	Theo yêu cầu	10.346	-	10.346	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	09/01/2024	02/02/2024	02/02/2024	Lần 8	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
16	10	22/08/2022	193	06/09/2022	Theo yêu cầu	126.106	-	126.106	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	25/01/2024	02/02/2024	02/02/2024	Lần 7	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
17	78	30/08/2022	18	11/10/2023	Chủ động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/02/2024	28/08/2023	28/08/2023	Lần 5	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
18	50	30/08/2022	60	12/12/2022	Chủ động	582.700	1.100	581.600	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	19/03/2024	20/09/2023	20/09/2023	Lần 5	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
19	70	25/08/2022	152	11/04/2023	Theo yêu cầu	89.152	-	89.152	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	09/08/2023	09/08/2023	09/08/2023	Lần 4	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
20	29	08/07/2020	199	07/03/2023	Chủ động	7.000	-	7.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/07/2023	04/08/2023	04/08/2023	Lần 4	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
21	06	10/08/2022	31	10/10/2023	Theo yêu cầu	367.479	-	367.479	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	31/01/2024	02/02/2024	02/02/2024	Lần 8	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
22	10	22/08/2022	32	10/10/2023	Theo yêu cầu	13.646	-	13.646	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	09/01/2024	02/02/2024	02/02/2024	Lần 8	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
23	02	08/12/2023	100	21/12/2023	Theo yêu cầu	16.680	6.000	10.680	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	12/07/2024	15/07/2024	15/07/2024	Lần 3	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
24	02	22/08/2023	128	26/02/2024	Theo yêu cầu	2.500	-	2.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	23/03/2026	24/03/2026	24/03/2026	Lần 1	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
25	07	01/08/2023	262	12/08/2023	Theo yêu cầu	7.000	-	7.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/07/2023	04/08/2023	04/08/2023	Lần 4	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
26	01	30/08/2019	265	26/08/2024	Theo yêu cầu	80.996	-	80.996	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	23/03/2026	24/03/2026	24/03/2026	Lần 1	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	

27	37	17/02/2025	140	25/03/2025	Chủ động	3.000	-	3.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	23/03/2026	24/03/2026	24/03/2026	Lần 1	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
28	17	02/02/2021	153	21/04/2025	Theo yêu cầu	30.000	2.000	28.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/09/2025	21/09/2025	21/09/2025	Lần 2	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
29	42	28/03/2025	160	19/05/2025	Chủ động	697	200	497	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/08/2025	20/08/2025	20/08/2025	Lần 1	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
30	249	28/09/2023	389	20/11/2025	Chủ động	13.985	-	13.985	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/11/2025	14/11/2025	17/11/2025	Lần 1	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
II.1	phòng THADS khu vực 3	7	7	7	7	2.736.735	130.057	2.606.678	7	4	4	-	5	7	7	
1	50/2025/HSST	09/04/2025	163	05/06/2025	Chủ động	30.000	-	30.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/06/2025	24/06/2025		Lần 1	Trần Văn Tùng	phòng THADS khu vực 3	
2	42/2007/HSPT	25/05/2007	0 5	05/06/2025	Theo yêu cầu	128.800	-	128.800	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/06/2025	24/06/2025		Lần 1	Trần Văn Tùng	phòng THADS khu vực 3	
3	791/2024/HSPT	23/09/2024	67	02/01/2025	Chủ động	1.328.500	-	1.328.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	20/01/2025	01/04/2025		Lần 1	Phan Đình Lâm	phòng THADS khu vực 3	
4	01/KDT M-ST	20/12/2016	15	11/05/2017	Theo yêu cầu	576.321	110.000	466.321	Điểm a Khoản 1 Điều 44a					Lê Bá Linh	phòng THADS khu vực 3	
5	01/QĐST-DS	31/10/2024	154	03/06/2025	Theo yêu cầu	73.114	20.057	53.057	Điểm a Khoản 1 Điều 44a					Phan Đình Lâm	phòng THADS khu vực 3	
6	03/QĐST-DS	14/04/2021	96	16/10/2025	Theo yêu cầu	590.000	-	590.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a				Lần 8	Trần Văn Tùng	phòng THADS khu vực 3	
7	45/HSST	22/08/2023	40	20/12/2023	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	20/06/2025	13/08/2025		Lần 2	Trần Văn Tùng	phòng THADS khu vực 3	
II.1	Khu vực 4	12	12	12	12	1.838.545	-	1.838.545	12	12	12	12	11	12	12	
1	04	28/11/2016	137	05/04/2024	Theo yêu cầu	41.773	-	41.773	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/3/2026	23/3/2026	23/3/2026	Lần 3	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
2	01	28/06/2023	137	02/08/2023	Chủ động	71.086	-	71.086	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	14/03/2025	03/05/2024	03/05/2024	Lần 2	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
3	16	06/12/2023	129	07/03/2024	Chủ động	97.999	-	97.999	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	13/02/2025	20/08/2024	20/08/2024		Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
4	01	26/10/2023	74	04/12/2023	Chủ động	119.014	-	119.014	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/01/2024	20/03/2024	20/03/2024	Lần 4	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
5	02	27/05/2014	05	06/10/2014	Theo yêu cầu	31.630	-	31.630	Điểm c Khoản 1 Điều 44a	19/3/2026	23/3/2026	23/3/2026	Lần 9	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

6	51	16/05/2011	135	05/04/2024	Chủ động	9.251	-	9.251	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/3/2026	23/3/2026	23/3/2026	Lần 3	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
7	04	28/11/2016	134	05/04/2024	Chủ động	21.881	-	21.881	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/3/2026	23/3/2026	23/3/2026	Lần 3	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
8	01	31/08/2016	37	13/12/2021	Theo yêu cầu	31.500	-	31.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/3/2026	23/3/2026	23/3/2026	Lần 4	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
9	01	29/06/2023	03	04/10/2023	Theo yêu cầu	1.322.880	-	1.322.880	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/9/2025	01/08/2024	01/08/2024	Lần 15	Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
10	152	27/09/2023	130	07/03/2024	Theo yêu cầu	38.638	-	38.638	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	19/11/2025	26/04/2024	26/04/2024	Lần 7	Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
11	01	29/06/2023	01	04/10/2024	Theo yêu cầu	1	-	1	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/9/2025	02/04/2025	02/04/2025	Lần 6	Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
12	05	23/02/2023	30	06/01/2025	Theo yêu cầu	52.892	-	52.892	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	16/9/2025	25/02/2025	25/02/2025	Lần 3	Chu Gó Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

- Lưu ý:
- Ghi đầy đủ thông tin các cột có trong danh sách
 - Các cột sau đây nhập thủ công: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 11, 12,13,14,15
 - Các cột sau đây là chọn theo danh sách có sẵn: 5, 9

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hường

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN MỘT PHẦN 06 THÁNG NĂM 2026
(Chỉ tính tiền không tính việc)

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ xác định việc chưa có điều kiện một phần	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Ngày, tháng, năm ra Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm đăng tải lên Trang thông tin điện tử	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Cộng			1		1	382.500	-	382.500	1	1	1	1	1	1	
I	Phòng Nghiệp vụ		1		1	382.500	-	382.500	1	1	1	1	1	1	
1	31	11/05/2022	77	01/12/2022	Chủ động	382.500	-	382.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	03/12/2024	07/04/2023	29/05/2024	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự	
2								-							
II	Các Khu vực	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.1	Khu vực 1														
1								-							
2								-							
II.2	Khu vực 2														
1								-							
II.3	Khu vực 3														
II.4	Khu vực 4														

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hương

Lưu ý:
- Ghi đầy đủ thông tin các cột có trong danh sách
- Các cột sau đây nhập thủ công: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 11, 12,13,14
- Các cột sau đây là chọn theo danh sách có sẵn: 5, 9

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH LAI CHÂU

THỐNG KÊ THEO LÝ DO CHƯA THI HÀNH 06 THÁNG NĂM 2026

TT	TIÊU CHÍ	VỀ VIỆC	VỀ TIỀN (1.000 đồng)		
			Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành
1	Đang thi hành	255	53.976.732	5.411.084	48.565.648
1.1	Đang xác minh tài sản	254	53.801.232	5.394.084	48.407.148
1.2	Đang áp dụng các biện pháp bảo đảm thi hành án	-	-	-	-
1.2.1	Phong tỏa tài khoản	-	-	-	-
1.2.2	Phong tỏa tài sản	-	-	-	-
1.2.3	Tạm giữ tài sản, giấy tờ	-	-	-	-
1.2.4	Tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng về tài sản	-	-	-	-
1.3	Đang áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án	1	175.500	17.000	158.500
1.3.1	Khấu trừ tiền trong tài khoản	-	-	-	-
1.3.2	Thu hồi, xử lý tiền	-	-	-	-
1.3.3	Thu hồi, xử lý giấy tờ có giá	-	-	-	-
1.3.4	Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án	1	175.500	17.000	158.500
1.3.5	Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ	-	-	-	-
1.3.6	Khai thác tài sản của người phải thi hành án	-	-	-	-
1.3.7	Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ	-	-	-	-
1.3.8	Buộc chuyển giao quyền tài sản	-	-	-	-
1.3.9	Buộc chuyển giao giấy tờ	-	-	-	-
1.3.10	Buộc người phải thi hành án thực hiện công việc nhất định	-	-	-	-
1.3.11	Buộc người phải thi hành án không được thực hiện công việc nhất định	-	-	-	-
2	Hoãn thi hành án theo điểm c khoản 1 Điều 48	-	-	-	-
	Điểm c K1 Điều 48	-	-	-	-
3	Hoãn thi hành án (trừ điểm c khoản 1 Điều 48)	4	1.051.386	-	1.051.386
3.1	Điểm a K1 Điều 48	-	-	-	-
3.2	Điểm b K1 Điều 48	-	-	-	-
3.3	Điểm d K1 Điều 48	4	1.051.386	-	1.051.386
3.4	Điểm đ K1 Điều 48	-	-	-	-
3.5	Điểm e K1 Điều 48	-	-	-	-
3.6	Điểm g K1 Điều 48	-	-	-	-
3.7	Điểm h K1 Điều 48	-	-	-	-
3.8	Khoản 2 Điều 48	-	-	-	-
4	Tạm đình chỉ thi hành án	-	-	-	-
4.1	Khoản 1 Điều 49	-	-	-	-
4.2	Khoản 2 Điều 49	-	-	-	-
5	Trường hợp khác	-	-	-	-
5.1	Tạm dừng để giải quyết khiếu nại, tố cáo	-	-	-	-
5.2	Trong thời gian tự nguyện thi hành án	-	-	-	-
5.3	Trở ngại khách quan	-	-	-	-
6	Chưa có điều kiện thi hành án	84	64.286.338	451.946	63.834.392
6.1	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	83	64.254.708	451.946	63.802.762

TT	TIÊU CHÍ	VỀ VIỆC	VỀ TIỀN (1.000 đồng)		
			Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành
6.2	Điểm b Khoản 1 Điều 44a	-	-	-	-
6.3	Điểm c Khoản 1 Điều 44a	1	31.630	-	31.630
6.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác	-	-	-	-
7	TỔNG SỐ	343	119.314.456	5.863.030	113.451.426

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, ngày tháng 4 năm 2026
TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

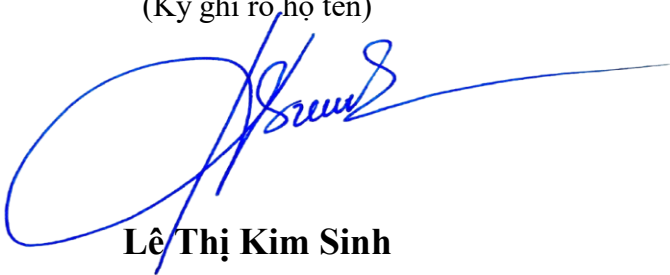
Trần Công Hương

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH

THỐNG KÊ THEO LOẠI VIỆC 06 THÁNG NĂM 2026

TT	TIÊU CHÍ	VỀ VIỆC	VỀ TIỀN (1.000 đồng)		
			Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành
1	Đang thi hành	255	53.976.732	5.411.084	48.565.648
1.1	Chủ động	141	4.688.327	1.842.409	2.845.918
1.2	Theo yêu cầu	114	49.288.405	3.568.675	45.719.730
2	điểm c khoản 1 Điều 48	-	-	-	-
2.1	Chủ động	-	-	-	-
2.2	Theo yêu cầu	-	-	-	-
3	điểm c khoản 1 Điều 48)	4	1.051.386	-	1.051.386
3.1	Chủ động	2	49.113	-	49.113
3.2	Theo yêu cầu	2	1.002.273	-	1.002.273
4	Tạm đình chỉ thi hành án	-	-	-	-
4.1	Chủ động	-	-	-	-
4.2	Theo yêu cầu	-	-	-	-
5	Trường hợp khác	-	-	-	-
5.1	Chủ động	-	-	-	-
5.2	Theo yêu cầu	-	-	-	-
6	hành	84	64.286.338	451.946	63.834.392
6.1	Chủ động	39	49.835.434	271.389	49.564.045
6.2	Theo yêu cầu	45	14.450.904	180.557	14.270.347
9	TỔNG CỘNG	343	119.314.456	5.863.030	113.451.426
9.1	Chủ động	182	54.572.874	2.113.798	52.459.076
9.2	Theo yêu cầu	161	64.741.582	3.749.232	60.992.350

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên)


Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, ngày tháng 4 năm 2026
TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hường